

Số: 21/QĐ-CT

Sóc Trăng, ngày 29 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2026

CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Luật số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Sóc Trăng ban hành theo quyết định số 3457/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao ông Nguyễn Khánh Toàn làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu đánh giá để làm căn cứ đánh giá và xếp loại doanh nghiệp năm 2026 đối với Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Sóc Trăng;

Căn cứ Công văn số 2745/UBND-KT ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thống nhất điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Sóc Trăng;

Xét Tờ trình số 123/TTr-CT ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Công ty về việc điều chỉnh Kế hoạch Tài chính năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Kế hoạch Tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Sóc Trăng năm 2026 (theo các phụ lục số 1; 2 chi tiết đính kèm).

Điều 2: Giao Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Sóc Trăng tổ chức triển khai và thực hiện đúng quy định.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 06/QĐ-CT ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng;

Điều 4: Ban điều hành, Trưởng các phòng Lâm nghiệp Tổng hợp, Kế toán Tài chính, Tổ chức Hành chính Công ty và Giám đốc các Phân trường trực thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND TP (để b/c);
- Sở Tài chính TP (để giám sát);
- BKS Công ty (để giám sát và b/c);
- Lưu: TCHC.

**CHỦ TỊCH CÔNG TY/ NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY**



Nguyễn Khánh Toàn



Phụ lục số 1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2026 CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số : 20 ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng)

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm báo cáo (Năm hiện tại)			Kế hoạch năm 2026	So sánh (%)	
				Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026		TH năm 2025 / KH năm 2025 (%)	KH năm 2026/ năm TH 2025 (%)
1	2	3	4	5	6	7	8 =6/5	9=7/6	
A- CÁC CHỈ TIÊU VỀ SXKD									
I- Sản lượng									
1. Sản lượng sản xuất chủ yếu									
a) Sản phẩm tiêu thụ trong nước		m ³	23.796	31.837	27.453	32.370	86.23	117.91	
Gỗ (tràm, keo)		m ³	23.796	31.837	27.453	32.370	86.23	117.91	
Sản phẩm khác		m ³							
b) Sản phẩm xuất khẩu		m ³							
Sản phẩm		m ³							
Sản phẩm D		m ³							
2. Sản lượng sản phẩm tiêu thụ									
a) Sản phẩm tiêu thụ trong nước		m ³	23.796	31.837	27.453	32.370	86.23	117.91	
Gỗ (tràm, keo)		m ³	23.796	31.837	27.453	32.370	86.23	117.91	
Khác		m ³							
b) Các sản phẩm xuất khẩu		m ³							
- Sản phẩm C		m ³							
- Sản phẩm D		m ³							
3. Giá thành đơn vị SP chủ yếu									
a) Sản phẩm tiêu thụ trong nước		ngàn đồng/m ³	255	346	346	292	100.00	84.39	
Gỗ (tràm, keo)		ngàn đồng/m ³	255	346	346	292	100.00	84.39	

PHỤ LỤC 02

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 2026 CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP SỐC TRĂNG

(Kèm Quyết định số 20/QĐ-CT ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Kế hoạch năm 2026	So sánh TH 2025/KH 2025 (%)	Tỷ lệ KH 2026/TH 2025 (%)
			Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025			
A	B.	1	2	3	4	5=3/2	6=4/3
I	Tổng doanh thu	20,143	20,353	20,836	23,000	102.37	110.39
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20,110	20,353	20,736	22,820	101.88	110.05
2	Doanh thu hoạt động tài chính	13	0	100	180	-	180.00
3	Thu nhập khác	20	0	0	0		
II	Tổng chi phí	16,935	17,199	16,995	18,700	98.81	110.03
	Trong đó:						
1	Chi phí giá vốn hàng bán	9,035	8,442	8,339	9,475	98.78	113.62
2	Chi phí hoạt động tài chính						
3	Chi phí bán hàng	986	840	847	840	100.83	99.17
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,913	7,917	7,616	8,385	96.20	110.10
5	Chi phí khác	1	-	193	-		
III	Lợi nhuận trước thuế	3,208	3,154	3,841	4,300	121.78	111.95